

Máy quang phổ cầm tay DR1900

Ứng dụng

- Nước uống
- Nước thải
- Sử dụng tại hiện trường
- Nước công nghiệp
- Năng lượng



Luôn mang theo nhiều phương pháp kiểm tra nước, sẵn sàng sử dụng ở bất cứ nơi đâu bạn cần.

DR1900 kết hợp độ bền và tính di động của thiết bị hiện trường cùng hơn 220 phương pháp kiểm tra nước phổ biến nhất.

Dễ dàng mang theo mọi nơi

Thiết bị quang phổ cầm tay nhẹ nhất, nhỏ nhất, dễ dàng di chuyển đến bất cứ đâu bạn cần.

Kiểm tra theo nhu cầu

Phân tích nước của bạn với nhiều phương pháp lập trình sẵn hơn bất kỳ máy quang phổ cầm tay nào khác, hoặc tự tạo phương pháp riêng phù hợp nhu cầu đặc biệt của bạn.

Đảm Bảo Độ Chính Xác Ngay Tại Hiện Trường

Dải bước sóng từ 340 đến 800 nm mang lại độ chính xác thường chỉ có ở các thiết bị phòng thí nghiệm.

Đơn Giản Hóa Việc Kiểm Tra

Giao diện trực quan, dễ sử dụng cùng nhiều kích cỡ ống nghiệm giúp kiểm tra linh hoạt hơn.

Thích Ứng Với Mọi Môi Trường Ngoài Trời

Kết cấu bền bỉ giúp thiết bị chống lại mọi yếu tố môi trường, cho phép bạn kiểm tra nước ngay cả trong điều kiện khắc nghiệt nhất.



Be Right™

Thông số kỹ thuật*

Chế độ vận hành	Độ truyền sáng (%), Độ hấp thụ và Năng độ
Đèn nguồn	Đèn flash Xenon
Dải bước sóng	340 đến 800 nm
Độ chính xác bước sóng	± 2 nm (dải 340 - 800nm)
Chọn bước sóng	Tự động
Bước sóng	± 0,1 nm
Độ tái lập	
Bề rộng phổ	5 nm
Quang phổ	0 đến 3 Abs
Khoảng đo	(dải bước sóng 340 – 800 nm)
Độ chính xác quang phổ	± 0,003 Abs @ 0,0 - 0,5 Abs
Độ tuyến tính quang phổ	< 0,5 % (0,5 - 2,0 Abs)
Ánh sáng lạc	< 0,5% T@340nm với NaNO ₂
Màn hình hiển thị	Màn hình đồ họa 240 x 160 pixel (LCD, đen/trắng, có đèn nền)
Bộ ghi dữ liệu	Lưu trữ được 500 giá trị đo (Kết quả, Ngày, Giờ, Mã mẫu, Mã người dùng theo GLP)

Phương pháp lập trình sẵn > 220

Chương trình người dùng 50

Ổ mẫu Phù hợp với ống tròn 13 / 16 mm và 1 inch, ống vuông 1 inch và 10x10mm

Kích thước (C x R x D) 3,9 in x 7 in x 10,5 in (98 mm x 178 mm x 267 mm)

Khối lượng 3,31 lbs. (1,5 kg)

Điều kiện hoạt động 10 đến 40 °C (50 - 104 °F), tối đa 80% độ ẩm tương đối (không ngưng tụ)

Điều kiện lưu trữ -30 đến 60 °C (-22 đến 140 °F), độ ẩm tối đa 80% (không ngưng tụ)

Chỉ số bảo vệ vỏ máy IP67

**Thông số có thể thay đổi mà không cần báo trước.*

Các phép kiểm tra có sẵn

Bảng dưới đây liệt kê các phép kiểm tra cùng phạm vi áp dụng cho máy quang phổ cầm tay Hach DR1900. Phạm vi này có thể bao gồm nhiều phép kiểm tra khác nhau trên thiết bị. Để biết thông tin chi tiết về tất cả các phép kiểm tra khả dụng cho thiết bị này, vui lòng liên hệ đại diện Hach, bộ phận Dịch vụ khách hàng, tham khảo Danh mục Hach Master hoặc truy cập trang web www.hach.com.

Thông số	Khoảng đo	Thông số	Khoảng đo
Khả năng đệm Axit Ks 4,3	0,5 - 8 mmol/L	Tổng lượng Sắt	0,009 đến 6,0 mg/L
Alachlor	0,1 đến 0,5 ppb, ngưỡng	Chì	0,005 đến 2,0 mg/L
Cồn	0,01 - 0,12 mg/L	Magiê	0,5 đến 50 mg/L
Tổng độ kiềm	25 đến 400 mg/L	Mangan	0,005 đến 20,0 mg/L
Nhôm	0,002 đến 0,800 mg/L	Menthol trong dung dịch chứng cất	0,5 - 15 mg/100mL
Amoni, Nitơ	0,025 đến 167 mg/L	Thủy ngân	0,1 đến 2,5 µg/L
AOX	0,005 đến 3 mg/L	Molypden, Molybdate	0,02 đến 300,0 mg/L
Asen	0 đến 0,2 mg/L	Niken	0,006 đến 6,0 mg/L
Bari	2 đến 100 mg/L	Bồn Niken, môi trường axit	5 đến 120 g/L
Benzotriazole	1 đến 16 mg/L	Nitrat, Nitơ	0,22 đến 150 mg/L
BOD5	0,5 đến 1.650 mg/L	Nitrit, Nitơ	0,007 đến 250 mg/L
Bo	0,05 đến 14 mg/L	Tổng Nitơ	1 đến 100 mg/L
Brom	0,05 đến 4,50 mg/L	Tổng Nitơ Kjeldahl	1 đến 150 mg/L
Cadmi	0,02 đến 0,30 mg/L	Axit hữu cơ	27 đến 2.800 mg/L axit axetic
Carbonat/Khí CO ₂	55 đến 550 mg/L	Chất khử oxy	0,003 đến 1 DEHA
Mono chloramin	0,04 đến 4,5 mg/L	Ozon	0,1 đến 2,0 mg/L
Clorua	0,1 đến 1.000 mg/L	PCB (Polychlorinated Biphenyls)	1 đến 50 ppm, ngưỡng
Chlorine dioxide	0,01 đến 5 mg/L	Phenol	0,002 đến 0,200 mg/L
Chlorine tự do	0,02 đến 10,0 mg/L	Phosphonat	0,02 đến 125,0 mg/L
Tổng Chlorine	0,02 đến 10,0 mg/L	Phospho phản ứng (Orthophosphate)	19 µg/L đến 90 mg/L
Hồ axit crom	50 đến 450 g/L	Tổng Phospho	0,15 đến 60 mg/L
Crom hóa trị sáu	0,010 đến 1,00 mg/L	Kali	0,1 đến 50 mg/L
Tổng Crom	0,01 đến 1,0 mg/L	Hợp chất amoni bậc bốn	0,2 đến 5,0 mg/L
Coban	0,01 đến 2,00 mg/L		
Nhu cầu oxy hóa học (COD) 0 đến 60.000 mg/L		Selen	0,01 đến 1 mg/L
Màu sắc	5 đến 500 đơn vị	Axit silic	0,003-100 mg/L
Đồng	0,001 đến 8,0 mg/L	Bạc	0,005 đến 2.500 mg/L
Bể đồng, dung dịch axit	2 - 100 g/L	Hoạt tính bùn (TTC)	
Xyanua	0,002 đến 0,6 mg/L	Tinh bột	2 đến 150 mg/L
Axit xyanuric	5 đến 50 mg/L	Sulfat	2 đến 900 mg/L
Oxy hoà tan	0,006 đến 40 mg/L	Sulfide	0,005 đến 2 mg/L
Flo	0,02 đến 2,00 mg/L	Sulfit	0,01 đến 5 mg/L
Formaldehyde	0,003 đến 10 mg/L	Chất hoạt động bề mặt (Anion, Cation, Không ion)	0,002 đến 200 mg/L
Độ cứng tổng (Canxi và Magiê quy đổi về CaCO ₃)	0,07 mg/L đến 4,00 mg/L	Chất rắn lơ lửng	5 đến 750 mg/L
Hydrazin	0,004 đến 2 mg/L	Tanin và lignin	0,1 đến 0,9 mg/L
Hydro peroxit	1 - 10 g/L	Thiếc	0,1 đến 2 mg/L
I-ốt	0,07 đến 7,00 mg/L	TOC (Tổng Carbon hữu cơ)	2 đến 3.000 mg/L
Sắt (II)	0,02 đến 3,00 mg/L	TTHM (Tổng hợp trihalomethane)	10 đến 600 µg/L

Lưu ý: Có thể đánh giá bằng ống nghiệm TNTplus®, tuy nhiên không hỗ trợ tính năng quét mã vạch & đo lường lặp lại 10 lần.

Thông Tin Đặt Hàng

Bộ sản phẩm Máy Quang Phổ Cầm Tay DR1900 bao gồm sách hướng dẫn sử dụng cơ bản in sẵn, nắp che bụi, ống nghiệm thủy tinh vuông 1 inch, pin AA và bộ chuyển đổi.

DR1900-01H Máy Quang Phổ Cầm Tay DR1900
9624700 Máy Quang Phổ Cầm Tay DR1900 kèm Module USB + Bộ Nguồn

Phụ Kiện

LZV804 Bộ Nguồn
 Gồm module, nguồn điện đa năng và sách hướng dẫn

LZV813 Module USB + Bộ Nguồn
 Gồm module, nguồn điện đa năng, cáp USB tiêu chuẩn, bộ chuyển đổi cáp USB đặc biệt và sách hướng dẫn

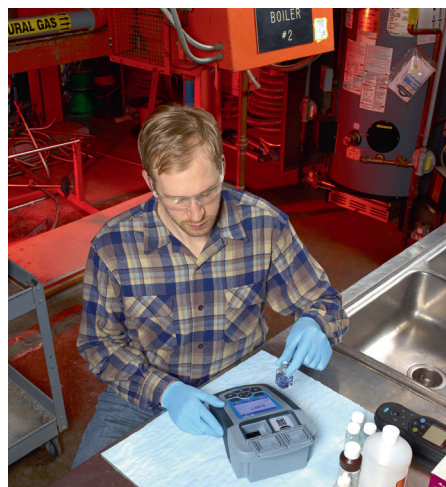
LZV949 Module USB
 Bao gồm module, cáp USB tiêu chuẩn, bộ chuyển đổi cáp USB đặc biệt và sách hướng dẫn sử dụng

2960100 Bộ máy in Citizen PD-24

2763900 Bộ chuẩn hấp thụ DR/Check (bộ 4 chiếc)

LZV537 Bộ lọc kiểm tra

2990700 Balo nhỏ kèm hộp đựng, dành cho thiết bị di động



Các lựa chọn dịch vụ

Gói sửa chữa bàn toàn diện bao gồm tất cả linh kiện, công lao động và phí vận chuyển từ nhà máy cho sửa chữa tại xưởng, hiệu chuẩn một lần/năm tại nhà máy, bảo trì theo khuyến nghị của nhà sản xuất (kèm các linh kiện cần thiết) và hỗ trợ kỹ thuật không giới hạn. Thiết bị thay thế sẽ được cung cấp trong quá trình sửa chữa tại nhà máy, tùy vào điều kiện sẵn có. Vui lòng xem điều khoản dịch vụ tại www.hach.com/terms để biết thêm chi tiết.

BSPDR1900 Gói hợp tác dịch vụ bàn cho máy đo quang phổ DR1900

Trụ sở chính toàn cầu HACH COMPANY: Loveland, Colorado, Hoa Kỳ

Hoa Kỳ: 800-227-4224 điện thoại 970-669-2932 fax orders@hach.com
 Bên ngoài Hoa Kỳ: 970-669-3050 điện thoại 970-461-3939 fax int@hach.com
hach.com

LIT2829 Phiên bản 1

In tại Hoa Kỳ.

©Hach Company, 2018. Đã đăng ký bản quyền.

Nhằm nâng cao và cập nhật thiết bị,

Hach Company giữ quyền thay đổi thông số kỹ thuật của thiết bị bất cứ lúc nào.

